**Tên:** Lê Anh Thư

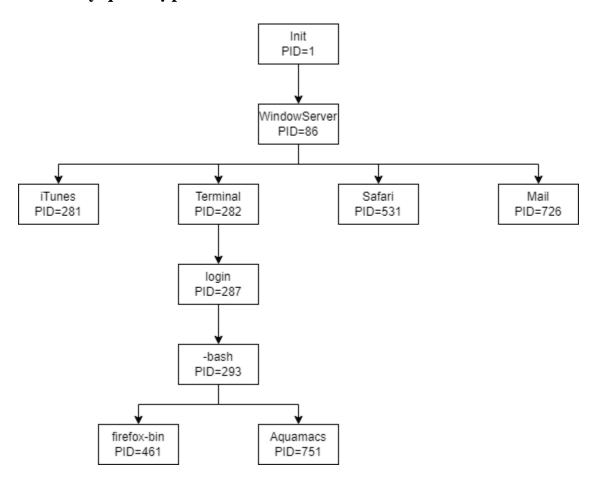
MSSV: 20521985

# BÀI TẬP THỰC HÀNH BUỔI 3

Môn: Hệ Điều Hành

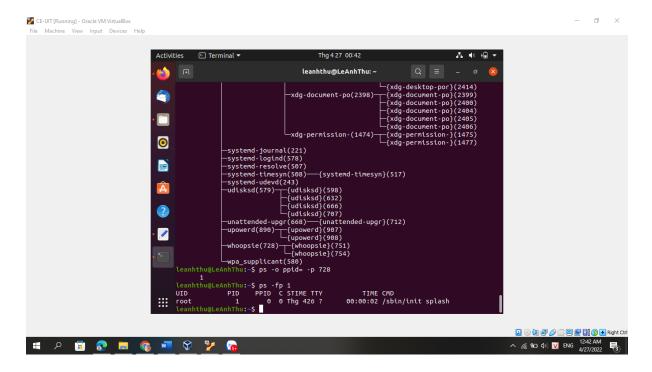
### Câu 1

### a. Cây quan hệ parent-child

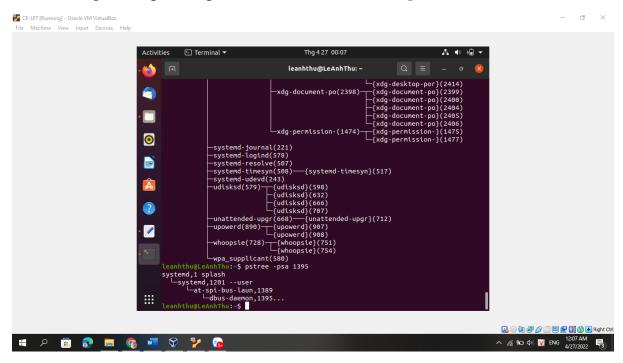


# b. Sử dụng lệnh ps để tìm tiến trình cha của một tiến trình dựa vào PID

- ❖ Dùng lệnh "ps -o ppid= -p [PID của tiến trình con]" để tìm PID của tiến trình cha.
- ❖ Dùng lệnh "ps -fp [PID của tiến trình cha]" để lấy thông tin tiến trình cha.

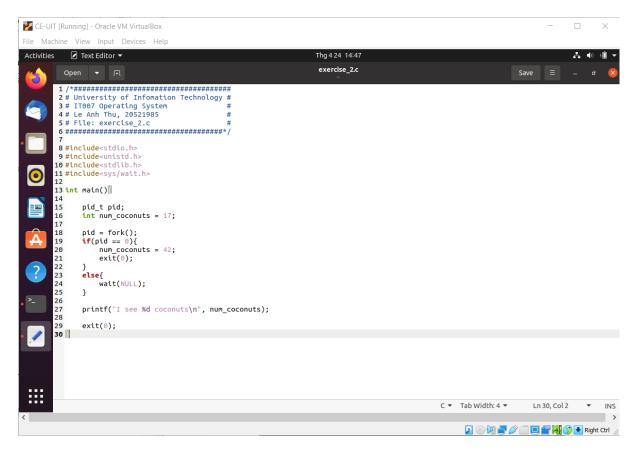


- c. Sử dụng pstree để tìm tiến trình cha dựa vào PID của một tiến trình
- ❖ Dùng lệnh "pstree -psa [PID của tiến trình con]"



Câu 2

#### Source code:



Kết quả: Chương trình in ra "I see 17 coconuts!"

Giải thích: Biến num\_coconuts trong process con thay đổi không ảnh hưởng biến num\_coconuts ở process cha. Process con gặp exit nên kết thúc và không in ra màn hình. Process cha gặp wait đợi process kết thúc và in kết quả ra màn hình.

### Câu 3

# \* Tất cả các hàm được sử dụng để làm thay đổi thuộc tính của pthread

Hàm	Khai báo	Công dụng
pthread_attr_i	<pre>int pthread_attr_init(pthread_attr_t *tattr);</pre>	Tạo thuộc tính cho
nit		thread
pthread_attr_	int pthread_attr_destroy(pthread_attr_t	Xóa thuộc tính của
destroy	*tattr);	thread
pthread_attr_	int	Chọn trạng thái thread
setdetachstate	pthread_attr_setdetachstate(pthread	sẽ được tạo là joinable
	_attr_t * <i>tattr</i> ,int <i>detachstate</i> );	hay detached
		-1 12.1.1.1
pthread_attr_	int pthread_attr_setguardsize(pthread_attr_t	Thay đổi kích thước tổi
setguardsize	*attr, size_t guardsize);	thiểu của vùng bảo vệ
		stack
pthread_attr_	int pthread_attr_setscope(pthread_attr_t	Chọn phạm vi tranh
setscope	*tattr,int scope);	chấp lập lịch cho
		thread

pthread_attr_ setschedpolicy	<pre>int</pre>	Chọn giải thuật lập lịch cho thread
pthread_attr_ setinheritsche d	<pre>int</pre>	Chọn giải thuật lập lịch của thread sẽ kế thừa từ process cha hay tự xác định.
pthread_attr_ setschedpara m	<pre>int</pre>	Thay đổi độ ưu tiên lập lịch cho thread
pthread_attr_ setstacksize	<pre>int</pre>	Thay đổi kích thước stack được cấp cho thread
pthread_attr_ setstackaddr	<pre>int</pre>	Cung cấp địa chỉ cho stack của thread

## ❖ Ví dụ

# $\bullet \quad pthread\_attr\_setstackaddr$

```
#include <pthread.h>
pthread_attr_t tattr;
void *base;
int ret;

base = (void *) malloc(PTHREAD_STACK_MIN + 0x4000);

/* setting a new address */
ret = pthread_attr_setstackaddr(&tattr, base);
```

# • pthread\_attr\_init

```
#include <pthread.h>
pthread_attr_t tattr;
int ret;

/* initialize an attribute to the default value */
ret = pthread attr init(&tattr);
```

# $\bullet \quad pthread\_attr\_setdetach state$

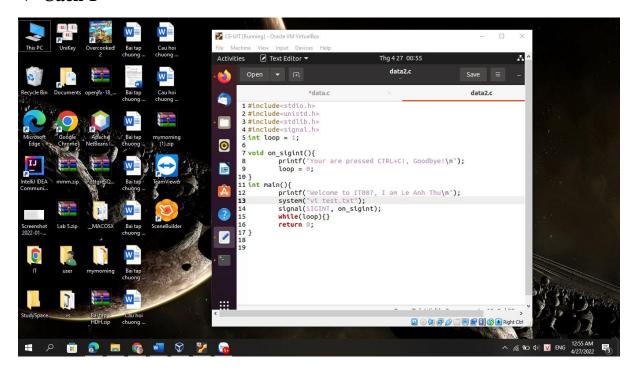
```
#include <pthread.h>
```

```
pthread_attr_t tattr;
pthread_t tid;
void *start_routine;
void arg
int ret;

/* initialized with default attributes */
ret = pthread_attr_init()(&tattr);
ret =
pthread_attr_setdetachstate()(&tattr,PTHREAD_CREATE_DETACHED);
ret = pthread_create()(&tid, &tattr, start_routine, arg);
```

#### Câu 4

#### \* Cách 1

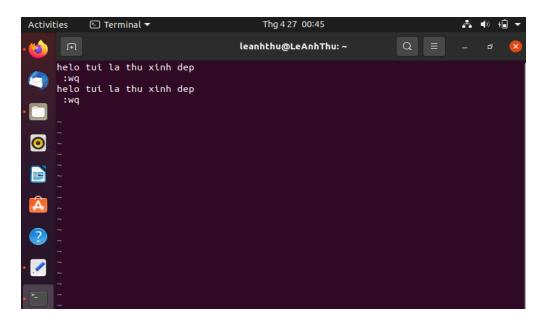


### **Source code:**

```
#include < stdio.h >
#include < unistd.h >
#include < stdlib.h >
#include < signal.h >
int loop = 1;
void on_sigint() {
    printf("Your are pressed CTRL+C!, Goodbye!\n");
    loop = 0;
}
int main() {
    printf("Welcome to IT007, I am Le Anh Thu\n");
```

```
system("vi test.txt");
signal(SIGINT, on_sigint);
while(loop){}
return 0;
}
```

# Kết quả:



### \* Cách 2

```
| The PC | Unifer | Coverceted | Bat appoint | Cau hole | Change | Change | Cau hole | Change |
```

## **Source code:**

```
#include<stdio.h>
#include<unistd.h>
#include<stdlib.h>
#include<signal.h>
int loop = 1;
void on_sigint(){
      printf("Your are pressed CTRL+C!, Goodbye!\n");
      loop = 0;
}
int main(){
      printf("Welcome to IT007, I am Le Anh Thu\n");
      pid_t pid;
      pid = fork();
      if(pid == 0){
            system("vi test.txt"); }
      else{
            signal(SIGINT, on_sigint);
            while(loop){ }
      }
```

```
return 0;
```

}

# Kết quả:

